TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAM RANH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:51/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 6 - 2021
V/v Tranh chấp " Ly hôn",
"Chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nha

2. Ông Đặng Ngọc Hương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp *"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị R - Sinh năm:1960
Nơi cư trú: Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T - Sinh năm:1956
Nơi cư trú: Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa)
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983
Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh K (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 31/8/2021, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị R trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu T chung sống với nhau vào năm 1980 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 06/6/1980.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T trai gái không chung thủy với bà, thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi bới bà. Nay bà không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hữu T có 04 con chung tên là:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 1981; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983, Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1986, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1989. Các con chung đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vào năm 2017 bà và ông T cho con Nguyễn Thị L vay 300.000.000 đồng để mua nhà, việc cho vay tiền thỏa thuận với nhau bằng lời nói chứ không lập giấy tờ. Ông T yêu cầu buộc bà L trả cho ông 150.000.000 đồng, trả cho bà 150.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bà L trả số nợ này cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2020, Đơn yêu cầu phản tố ngày 25/02/2021, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quá trình tìm hiểu đi đến kết hôn đúng như bà R đã trình bày.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do con gái út Nguyễn Thị Tuyết M đánh bạc thua 4 tỷ đồng, từ đó bà R mê tín bói toán, theo ngải tại nhà cô T, trú tại thôn Văn Thủy 1, xã Cam Phước Tây, huyện Cam Lâm. Từ đó bà R và 4 đứa con thường xuyên gây sự và đánh đập ông, sự việc ông đã trình bày lên Công an xã Cam Phước Đông, Cam Phước Tây và Công an huyện Cam Lâm biết nhưng các cơ quan công an này không giải quyết theo đơn trình báo của ông, ông đã mời gia đình hai bên để hòa giải nhưng không thành. Nay bà R yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị R có 04 con chung tên là:

Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 1981; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983, Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1986, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1989. Các con chung đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà Trần Thị R đã tạo lập được các tài sản sau:

+ 01 lô đất thuộc thửa đất số 673, tờ bản đồ số 36, diện tích 273,6m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số phát hành CN 542858, số vào sổ cấp GCN: CH06927 ngày 23/10/2018. Trên đất có 01 căn nhà hai tầng.

+ 01 lô đất thuộc thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 44, diện tích 106,6 m^2 tọa lạc tại thôn Tân Hiệp, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 981355, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH07118 ngày 19/11/2018 trên đất có nhà cấp 4.

+ 01 lô đất thuộc thửa đất số 500 tờ bản đồ số 35, diện tích 716,8m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 336807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 02119 ngày 19/5/2015.

+ 01 lô đất thuộc thửa đất số 68 tờ bản đồ số 19, diện tích: 192m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND huyện Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 303744, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00489 QSDĐ/CPĐ-CR ngày 08/01/1997, cập nhật biến động ngày 24/11/2000, trên đất có nhà cấp 4.

+ 01 lô sạp tại chợ mới

+ 20 lượng vàng 97%.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng chia đôi tài sản nói trên. Ông yêu cầu nhận hiện vật.

Ngày 12/5/2021, ông Nguyễn Hữu T có đơn rút yêu về việc tranh chấp về tài sản chung đối với tài sản nêu trên.

Về nợ: Vào năm 2017 ông và bà R cho con Nguyễn Thị L vay 300.000.000 đồng để mua nhà, việc cho vay tiền thỏa thuận với nhau bằng lời nói chứ không lập giấy tờ. Ông yêu cầu buộc bà L trả cho ông 150.000.000 đồng, trả cho bà Trần Thị R 150.000.000 đồng. Bà L xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ông không đồng ý. Ông khẳng định ông và bà R cho bà L vay số tiền trên vào năm 2017, tuy nhiên đến ngày 25/02/2021 ông mới bắt đầu yêu cầu bà L trả tiền vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2021 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2017, bà có vay của ông T bà R 300.000.000 đồng để mua nhà, vay thỏa thuận với nhau bằng lời nói, không viết giấy tờ. Từ khi vay đến nay bà chưa trả cho bà R, ông T đồng nào. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả cho ông 150.000.000 đồng, trả cho bà Trần Thị R 150.000.000 đồng. Bà đồng ý với số nợ trên nhưng bà không có khả năng trả ngay 1 lần, bà xin trả dần mỗi tháng 4 triệu đồng (trả cho ông T 2 triệu đồng, trả cho bà R 2 triệu đồng) đến khi hết số nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2021 và đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt ngày 10/6/2021 bà L trình bày:

Chồng bà tên là Bùi Văn D, bà và ông Bùi Văn D đã được Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh giải quyết ly hôn vào năm 2017. Bà và ông D ly hôn trước thời điểm bà vay ông T bà R số tiền 300.000.000 đồng để mua nhà. Nhà bà mua và số tiền nợ này là của riêng bà, không liên quan đến ông Bùi Văn D. Bà đồng ý

trả cho ông T 150.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng trả ngay 1 lần, bà xin trả dần mỗi tháng cho ông T 5.000.000 đồng/tháng đến khi hết nợ, vì hiện nay bà làm ăn gặp nhiều khó khăn, nếu bà Ryêu cầu bà trả tiền thì bà đồng ý trả cho bà R150.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu Tđược ly hôn. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung: Bà Trần Thị R không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đình chỉ yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của ông Nguyễn Hữu T. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông 150.000.000 đồng, về tiền lãi: ông T không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị R yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu T yêu cầu "Chia tài sản khi ly hôn" nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị L.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 06/6/1980 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu T phát sinh mâu thuẫn, bà Rcho rằng ông T không chung thủy, thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi bới bà, còn ông T cho rằng bà R theo ngải, mê bói toán từ đó giữa ông và bà R không cùng quan điểm sống, vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hiện nay bà R không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T đồng ý ly hôn bà R. Như vậy, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không có thời gian gần gũi cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ năm 2015 đến nay bà R và ông

T mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà R yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Hữu T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu T có 04 con chung tên là: Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 1981; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983, Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1986, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1989. Các con chung đã trưởng thành bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung:

[2.3.1.] Bà Trần Thị Rkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3.2] Về yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn:

Ông Nguyễn Hữu T rút yêu cầu phản tố về vệc yêu cầu chia tài sản chung đối với lô đất thuộc thửa đất số 673, tờ bản đồ số 36, diện tích 273,6m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CN 542858, số vào sổ cấp GCN: CH06927 ngày 23/10/2018. Trên đất có 01 căn nhà hai tầng; Lô đất thuộc thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 44, diện tích 106,6 m^2 tọa lạc tại thôn Tân Hiệp, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 981355 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH07118 ngày 19/11/2018 trên đất có nhà cấp 4; Lô đất thuộc thửa đất số 500 tờ bản đồ số 35, diện tích 716,8m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND TP Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BN 336807, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 02119 ngày 19/5/2015; Lô đất thuộc thửa đất số 68 tờ bản đồ số 19, diện tích: 192m^2 tọa lạc tại Thôn T, xã C, thành phố C, tỉnh K được UBND huyện Cam Ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành I 303744, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00489 QSDĐ/CPĐ-CR ngày 08/01/1997, cập nhật biến động ngày 24/11/2000, trên đất có nhà cấp 4; Lô sạp tại chợ mới; 20 lượng vàng 97%.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu "Chia tài sản khi ly hôn" đối với các tài sản nêu trên của ông T; ông T có quyền khởi kiện lại tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng.

[2.4] Về số tiền bà Trần Thị R và ông Nguyễn Hữu T cho bà Nguyễn Thị L vay 300.000.000 đồng để mua nhà, việc vay tiền không lập giấy tờ, chỉ thỏa thuận với nhau bằng lời nói, không thỏa thuận trả lãi cũng như thời gian trả và được các bên thừa nhận. Như vậy, số tiền 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông T, bà R, việc bà L vay bà R, ông T số tiền này là có thật, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Bà R không yêu cầu bà L phải trả 150.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Bà L đồng ý trả cho ông T 150.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng trả ngay 1 lần, bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ. Ông T không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà L. Việc bà L không trả nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông T nên căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà L trả cho ông T 150.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Đối với yêu cầu "Chia tài sản khi ly hôn" đã đình chỉ xét xử, ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí.

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông T là:

150.000.000đ x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, 218. Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 1981; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1983, Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1986, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1989 đã trưởng thành bà Trần Thị R, ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị R không yêu cầu nên không xét.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông Nguyễn Hữu T.

Ông Nguyễn Hữu T có quyền khởi kiện lại tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T. Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông Nguyễn Hữu T 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về tiền lãi: Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu nên không xem xét.

* Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Bà Trần Thị R phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0000829 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, bà Trần Thị R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị R, bị đơn ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND xã Vĩnh Thạnh (số 12, Ngày 06/6/1980);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Vân